

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH13TD_01 - 001_I** Số Tín Ch 2

Ngày Thi **15/01/2016** Phòng Thi **TV302**

Lớp **DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 35%	D.Số 15%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13154081	Lê Ngọc Châu	DH13OT	<i>Châu</i>		1.3	1.8	1.8	2.2	0012345678910	0123456789
2	13118005	Đỗ Thành Chung	DH13CC	<i>Đỗ</i>		1.7	5.0	5.0	4.2	0012345678910	0123456789
3	13115010	Trần Nguyễn Phú Cường	DH13CB	<i>V</i>	V	V	V		V	0012345678910	0123456789
4	13154008	Võ Thanh Duy	DH13OT	<i>Duy</i>		2.9	1.5	1.8	3.1	0012345678910	0123456789
5	12344143	Hồ Văn Hạ	CD12CI	<i>Hạ</i>		2.8	4.0	2.0	4.5	0012345678910	0123456789
6	13118015	Võ Đình Hải	DH13CK	<i>Hải</i>		2.9	4.5	4.0	5.1	0012345678910	0123456789
7	13118014	Bùi Văn Hào	DH13CC	<i>Hào</i>		2.7	5.0	3.3	5.0	0012345678910	0123456789
8	13118161	Hoàng Phạm Thanh Huỳnh	DH13CK	<i>Huỳnh</i>		3.3	5.3	6.8	6.2	0012345678910	0123456789
9	13154025	Nguyễn Đoàn Khang	DH13OT	<i>Khang</i>		1.9	3.0	3.3	3.4	0012345678910	0123456789
10	12344198	Cai Trung Kiệt	CD12CI	<i>Kiệt</i>		1	0	1.7	1.3	0012345678910	0123456789
11	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC	<i>Kiệt</i>		3.1	1.0	4.0	4.1	0012345678910	0123456789
12	13334117	Nguyễn Công Lục	CD13CI	<i>Lục</i>		4.3	1.5	1.0	5.0	0012345678910	0123456789
13	13118030	Trần Quốc Nam	DH13CK	<i>Nam</i>		4.5	7.5	3.7	7.3	0012345678910	0123456789
14	13154158	Nguyễn Hoài Phương	DH13OT	<i>Phương</i>		2	1.3	3.7	3.0	0012345678910	0123456789
15	13154163	Đào Trần Phú Quốc	DH13OT	<i>Quốc</i>		2	2.5	2.2	3.2	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Dụng cụ và kỹ thuật đo lường(207107) - DH13TD_01 - 001_T Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016 Phòng Thi TV302

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13334023	Lê Tuấn Chiến	CD13CI	<i>chua</i>		2,5	1,5	6,2	4,0	○○○1234567890	0123456789
2	13118091	Nguyễn Duy Cường	DH13CK	<i>Cuong</i>		4,1	3,0	5,5	6,0	○○○1234567890	0123456789
3	13334047	Trần Quốc Đạt	CD13CI	<i>V</i>	<i>V</i>	<i>V</i>	<i>V</i>	<i>V</i>	<i>V</i>	○○○1234567890	0123456789
4	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC	<i>Phat</i>		1,7	3,5	4,7	9,6	○○○1234567890	0123456789
5	12115046	Huỳnh Kim Hải	DH12CB	<i>Hai</i>		2,7	8,0	7,2	6,6	○○○1234567890	0123456789
6	13154017	Nguyễn Văn Hậu	DH13OT	<i>Hau</i>		1,5	1,3	4,8	2,7	○○○1234567890	0123456789
7	11344020	Trần Văn Hò	CD11CI	<i>Ho</i>		1	5,0	0	2,8	○○○1234567890	0123456789
8	14118167	Nguyễn Văn Hóa	DH14CC	<i>Hoa</i>		1,3	1,5	5,0	2,6	○○○1234567890	0123456789
9	13334102	Phạm Trung Kiên	CD13CI	<i>V</i>	<i>V</i>	<i>V</i>	<i>V</i>		<i>V</i>	○○○1234567890	0123456789
10	13118200	Đặng Hoàng Long	DH13CK	<i>Long</i>		3,4	2,8	6,5	5,4	○○○1234567890	0123456789
11	12344172	Trịnh Hữu Nghĩa	CD12CI	<i>V</i>	<i>V</i>	<i>V</i>	<i>V</i>		<i>V</i>	○○○1234567890	0123456789
12	13138152	Hoàng Xuân Phú	DH13TD	<i>V</i>	<i>V</i>	<i>V</i>	<i>V</i>		<i>V</i>	○○○1234567890	0123456789
13	13118242	Nguyễn Ngọc Thiên Quang	DH13CK	<i>Quang</i>		1,1	2,5	6,2	2,9	○○○1234567890	0123456789
14	13118249	Tạ Văn Quyền	DH13CK	<i>Quyên</i>		4	8,5	6,8	8,0	○○○1234567890	0123456789
15	11344036	Đỗ Văn Thắng	CD11CI	<i>Thang</i>		2	1,5	7,2	3,6	○○○1234567890	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

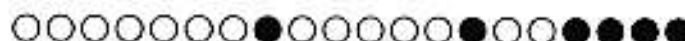
Môn Học/Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH13TD_01 - 001_E** Số Tin Ch 2

Ngày Thi **15/01/2016** Phòng Thi **TV302**

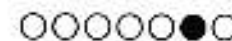
Lớp **DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 25%	D.Số 10%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118109	Phạm Đại	DH13CC			2	0,5	0	2,2	0010344567890	0123456789
2	13118019	Vũ Xuân	DH13CC			2,1	1,8	7,2	3,8	0012344567890	0123456789
3	13334075	Nguyễn Huy	CD13CI			3	5,5	7,5	6,1	0012344567890	0123456789
4	12154123	Võ Thanh	DH12OT	✓	✓	✓	✓	✓	✓	0012344567890	0123456789
5	13115235	Nguyễn Mạnh	DH13CB			1,2	1,0	0	1,6	0012344567890	0123456789
6	13118163	Lâm Thái	DH13CK			2,7	1,5	6,7	4,2	0012344567890	0123456789
7	14118181	Phạm Duy	DH14CC			2,8	1,5	6,8	4,3	0012344567890	0123456789
8	13118201	Nguyễn Tấn	DH13CK			2	2,0	7,3	3,8	0012344567890	0123456789
9	12344155	Nguyễn Văn	CD12CI			2	3,5	2,5	3,0	0012344567890	0123456789
10	13118042	Phạm Hoàng	DH13CC	✓	✓	✓	✓	✓	✓	0012344567890	0123456789
11	13154048	Phạm Hữu	DH13OT			3,2	5,5	7,5	6,3	0012344567890	0123456789
12	13154167	Nguyễn Trần Anh	DH13OT			1,7	4,0	7,0	4,2	0012344567890	0123456789
13	13334171	Trần Tấn	CD13CI			2,2	1,0	3,8	3,1	0012344567890	0123456789
14	13334172	Nguyễn Minh	CD13CI			1	1,0	2,3	1,7	0012344567890	0123456789
15	13334181	Trần Văn	CD13CI			0,9	2,0	1,2	1,8	0012344567890	0123456789



Mã nhận dạng 04175



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH13TD_01 - 001_E Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016 Phòng Thi TV302

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 35%	D.Số	Điểm T. kết	Tò điểm nguyên	Tò điểm lẻ
16	13154054	Lê Minh Thiện	DH13OT	<i>[Signature]</i>		1,4	2,0	4,2	2,7	0010345678910	0123456789
17	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC	<i>[Signature]</i>		1,7	3,0	7,0	3,1	0012345678910	0123456789
18	13334214	Trần Quốc Tín	CD13CI	<i>[Signature]</i>		2,3	2,0	5,7	3,9	0012345678910	0123456789
19	13334226	Đặng Trung	CD13CI	<i>[Signature]</i>		1,8	4,0	5,7	4,1	0012345678910	0123456789
20	13154194	Nguyễn Nhật Trường	DH13OT	<i>[Signature]</i>		2,1	2,5	6,0	3,9	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

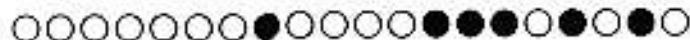
[Signature]
Nguyễn Thị Bình

Cán Bộ Chấm Thi 1

[Signature]
Lê Văn Ban

Cán Bộ Chấm Thi 2

[Signature]
Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 04330



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH13TD_01 - 001_L** Số Tin Ch. 2

Ngày Thi 15/01/2016

Phòng Thi TV302

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 35%	D.Số 15%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13334219	Nguyễn Văn Triều	CD13CI			1,4	2,3	4,5	2,9	001234567890	0123456789
17	13118059	Trần Văn Trọng	DH13CK			4	5,5	6,7	6,9	001234567890	0123456789
18	13334236	Phạm Minh Tú	CD13CI		✓	✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
19	13334233	Nguyễn Hoàng Tuấn	CD13CI			1,8	1,3	5,3	3,1	001234567890	0123456789
20	14118301	Nguyễn Đăng Tuyển	DH14CK		✓	✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

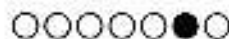
Lê Văn Bạt

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 04399



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH13TD_01 - 001_E**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016

Phòng Thi TV302

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 35%	Đ. Số 10%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13118364	Trương Công Hoài	Trung	DH13CK		3	2,0	4,5	4,4	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13118324	Phạm Ngọc	Truyền	DH13CC	✓	✓	✓		✓	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13118331	Hoàng Văn	Tuấn	DH13CC	✓	✓	✓	✓	✓	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	13115143	Nguyễn Thế	Vỹ	DH13CB	✓	2,5	2,0	0	3,2	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Lê Văn Ban

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH13TD_01 - 001_I** Số Tin Ch 2

Ngày Thi **15/01/2016** Phòng Thi **TV302**

Lớp **CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 35%	D.Số 10%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13334025	Vũ Văn Chương	CD13CI	<i>chương</i>		3,1	2,0	6,5	4,8	001234567890	0123456789
2	13118153	Cao Thanh Huy	DH13CK	<i>huy</i>	V	✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
3	13115094	Nguyễn Tri Tài	DH13CB	<i>tai</i>		1,9	0,8	2,2	3,3	001234567890	0123456789
4	14154142	Trương Quang Thanh	DH14OT	<i>th</i>		1,9	1,0	5,8	4,2	001234567890	0123456789
5	13138232	Trần Hữu Trọng	DH13TD	<i>tr</i>	V	✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
6	13115449	Vũ Quốc Trường	DH13CB	<i>trường</i>		1,4	1,3	4,0	2,5	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

[Signature]
Vũ Văn Chương

Cán Bộ Chấm Thi 1

[Signature]
huy văn chương

Cán Bộ Chấm Thi 2

[Signature]
Ngô Thị Phương Thảo

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH13TD_02 - 001_C** Số Tín Ch 2

Ngày Thi **15/01/2016**

Phòng Thi **HD202**

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50 %	D2 35 %	D.Số 15 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118006	Trần Quang Chung	DH13CK			2,8	0,5	5,3	3,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC			2,9	2,5	5,3	4,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118180	Nguyễn Hồng Khánh	DH13CC			3,9	3,3	6,7	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118184	Võ Văn Khiêm	DH13CC			2,5	0,8	6,8	3,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334209	Phạm Thành Tiên	CD13CI			2,2	0,8	3,0	2,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334222	Từ Hữu Trí	CD13CI			2,3	2,0	0	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Lê Văn Ban

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH13TD_02 - 001_E Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016 Phòng Thi HD202

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 80%	D2 35%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13154083	Phan Văn Châu	DH13OT	<i>[Signature]</i>		1.2	1.0	0	1.6	○ ○ ○ ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	13154088	Đào Thế Cường	DH13OT	<i>[Signature]</i>		4.2	2.5	7.5	6.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	13334253	Trần Tiến Đạt	CD13CI	✓	✓	✓	✓		✓	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	13154091	Nguyễn Đình Dương	DH13OT	<i>[Signature]</i>		3.9	2.5	4.8	5.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	13334114	Nguyễn Thành Luân	CD13CI	<i>[Signature]</i>		2.1	1.0	0	2.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	13154037	Nguyễn Văn Nam	DH13OT	<i>[Signature]</i>		2.5	1.3	5.3	4.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	13334161	Đặng Chiếu Sinh	CD13CI	<i>[Signature]</i>		2.8	3.0	5.5	4.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

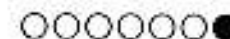
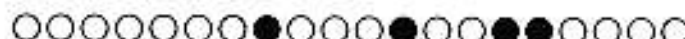
[Signature]
Vũ Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 1

[Signature]
Lê Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 2

[Signature]
Ngô Thị Phương Thảo



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH13TD_02 - 001_I**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi **15/01/2016**

Phòng Thi **HD202**

Lớp **DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D. Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13154075	Nguyễn Hồng Báo	DH13OT			3,7	5,3	7,5	6,7	001234567890	0123456789
2	14154006	Phạm Văn Báo	DH14OT			3,9	4,5	7,0	5,5	001234567890	0123456789
3	14118122	Nguyễn Cường	DH14CK			2,2	0,5	5,8	3,2	001234567890	0123456789
4	13154157	Lê Hồng Phong	DH13OT			1,8	0,5	5,5	2,8	001234567890	0123456789
5	13115336	Trịnh Ngọc Phương	DH13CB		V				V	001234567890	0123456789
6	13334169	Nguyễn Văn Tài	CD13CI			2,5	0,5	4,3	3,3	001234567890	0123456789
7	14118063	Huỳnh Ngân Tâm	DH14CC			1,8	1,3	1,3	2,5	001234567890	0123456789
8	13154056	Võ Hoàn Thiện	DH13OT			2,2	1,5	3,5	3,3	001234567890	0123456789
9	13118298	Nguyễn Văn Tiến	DH13CC			4,2	3,5	1,8	6,4	001234567890	0123456789
10	14154060	Tăng Quốc Tiến	DH14OT			4	1,5	5,0	5,3	001234567890	0123456789
11	13154188	Nguyễn Duy Trần	DH13OT			2,8	1,5	3,5	3,9	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

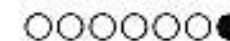
Vũ Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 1

Lê Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH13TD_02 - 001_L** Số Tin Ch **2**

Ngày Thi **15/01/2016** Phòng Thi **HD202**

Lớp **DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 35%	D.Số 15%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118149	Hà Văn	Giao	DH14CC	<i>Giao</i>		1,8	2,0	3,3	3,1	001234567890	0123456789
2	13334081	Nguyễn Bá	Huy	CD13CI	<i>Huy</i>		1,8	1,8	4,3	3,1	001234567890	0123456789
3	11158016	Lê Văn	Phùng	DH11SK	<i>Phùng</i>		3	2,5	2,3	4,2	001234567890	0123456789
4	13138167	Nguyễn Hoàng	Quân	DH13TD	✓	✓	✓	✓		✓	001234567890	0123456789
5	13118301	Lê Đức	Tín	DH13CC	<i>Lê Đức</i>		2,6	1,0	3,2	3,4	001234567890	0123456789
6	13334216	Phạm Văn	Toàn	CD13CI	<i>Toàn</i>		2,3	1,5	6,0	3,7	001234567890	0123456789
7	13118353	Hoàng Đức	Vũ	DH13CC	<i>Hoàng Đức</i>		3,3	1,0	3,3	4,1	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Nguyễn Thị Bình

Cán Bộ Chấm Thi 1

Lê Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

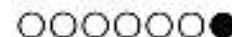
Môn Học/ Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CC_03 - 001_I** Số Tin Ch 2

Ngày Thi **15/01/2016** Phòng Thi **TV202**

Lớp **DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ. %	D2 Đ. %	D.Số Đ. %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC			0	1,2	5,7	1,3	0000234567890	0123456789
2	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC			0,7	2,0	6,3	2,3	0001234567890	0123456789
3	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			0,3	2,0	7,7	4,2	0001234567890	0123456789
4	14118021	Đỗ Kỳ Hà	DH14CC			0,4	5,5	6,5	5,3	0001234567890	0123456789
5	14118154	Lê Doãn Hào	DH14CC			4,9	2,5	7,7	6,2	0001234567890	0123456789
6	11158065	Nguyễn Việt Trung	DH11SK			0,9	2,5	3,8	1,6	0001234567890	0123456789
7	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC			1	2,0	3,5	2,2	0001234567890	0123456789
8	12344047	Trương Hoài Long	CD12CI			✓	✓	✓	✓	0001234567890	0123456789
9	14118037	Trần Đình Hải	DH14CC			3,4	1,5	4,0	4,5	0001234567890	0123456789
10	14154031	Đặng Văn Long	DH14OT			1,7	1,5	6,0	3,1	0001234567890	0123456789
11	14118040	Hoàng Vương Nam	DH14CC			3,4	1,5	5,7	4,8	0001234567890	0123456789
12	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DH14CC			2,2	4,0	6,3	4,5	0001234567890	0123456789
13	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC			2,1	2,5	6,3	9,9	0001234567890	0123456789
14	14118059	Lê Văn Quyền	DH14CC			2,1	4,0	6,5	4,5	0001234567890	0123456789
15	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC			2,5	1,5	0	3,0	0001234567890	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CC_03 - 001_I** Số Tín Ch 2

Ngày Thi **15/01/2016** Phòng Thi **TV202**

Lớp **DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 25%	Đ.Số 15%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118002	Lê Văn Thế Anh	DH14CC	<i>Thế Anh</i>		1,2	1,5	7,0	2,8	0012345678910	0123456789
2	14118104	Nguyễn Tấn Bảo	DH14CC	<i>Bảo</i>		0	2,2	6,7	1,8	0012345678910	0123456789
3	14118006	Trần Quốc Bình	DH14CC	<i>Quốc Bình</i>		1,8	0,1	3,7	2,4	0012345678910	0123456789
4	14118118	Phạm Đức Công	DH14CC	<i>Đức Công</i>		1,9	1,0	6,7	3,3	0012345678910	0123456789
5	14118014	Nguyễn Bảo Đàm	DH14CC	<i>Bảo Đàm</i>		4	2,0	6,2	5,6	0012345678910	0123456789
6	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC	<i>Anh Duy</i>		3,6	1,2	4,7	4,7	0012345678910	0123456789
7	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC	<i>Đăng Duy</i>		3,6	1,0	4,8	4,7	0012345678910	0123456789
8	14118148	Cao Thanh Giang	DH14CC	<i>Thanh Giang</i>		4,2	2,0	7,5	6,0	0012345678910	0123456789
9	14118160	Võ Đức Hiệp	DH14CC	<i>Đức Hiệp</i>		3,3	1,0	7,3	4,8	0012345678910	0123456789
10	14118178	Trần Ngọc Hưng	DH14CC	<i>Ngọc Hưng</i>		2,4	2,5	7,3	4,4	0012345678910	0123456789
11	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH14CC	<i>Trường Huy</i>		1,8	1,5	6,0	3,2	0012345678910	0123456789
12	14118208	Võ Tấn Nguyên	DH14CC	<i>Tấn Nguyên</i>		4,4	1,5	5,8	5,8	0012345678910	0123456789
13	14118045	Trần Trọng Nhân	DH14CC	<i>Trọng Nhân</i>		0,6	2,0	4,2	1,9	0012345678910	0123456789
14	14118046	Nguyễn Phúc Bảo Nhi	DH14CC	<i>Phúc Bảo Nhi</i>		2,2	1,0	6,8	3,6	0012345678910	0123456789
15	14118238	Trương Tuấn Sang	DH14CC	<i>Tuấn Sang</i>		1,9	2,5	6,0	3,7	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CC_03 - 001_I** Số Tin Ch 2

Ngày Thi **15/01/2016** Phòng Thi **TV202**

Lớp **DH14CC (Cơ khí chế biến hàng quân NSTP)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 35%	D. Số 15%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC			1	2,0	7,3	2,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14118133	Ngô Văn Đạt	DH14CC	✓	✓	✓	✓	✓	✓	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			0,6	1,5	3,8	1,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154067	Nguyễn Minh Dương	DH12OT			1,6	1,5	5,2	2,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC			0,6	1,0	4,0	1,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14118024	Phạm Thanh Hiền	DH14CC			0,2	0,5	3,0	0,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14118193	Trần Như Long	DH14CC			2,5	1,0	7,2	3,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118206	Lê Từ Nguyên	DH14CC			1,8	1,5	4,5	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK			0,8	1,5	5,2	2,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118047	Nguyễn Hữu Phát	DH14CC			1,9	1,5	3,7	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK			2,3	0,5	4,7	3,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC			2	1,5	4,8	3,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC			1,9	1,5	4,0	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC			2,8	1,0	5,2	3,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC			1	0,5	4,0	1,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 04177



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi**Điểm thi học kỳ**

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CC_03 - 001_I** Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016 Phòng Thi TV202

Lớp **DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 30%	Đ. Số 70%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC	<i>Thái</i>		2,3	1,5	6,3	3,8	001234567890	0123456789
17	14118076	Nguyễn Văn Toán	DH14CC	<i>Toán</i>		1,4	1,2	4,5	2,5	001234567890	0123456789
18	14118287	Lê Văn Trung	DH14CC	<i>Trung</i>		2,6	1,5	4,5	3,8	001234567890	0123456789
19	14118092	Nguyễn Hoàng Anh Tú	DH14CC	<i>Tú</i>		1,5	0,5	4,5	2,4	001234567890	0123456789
20	14118319	Lê Anh Tuấn	DH14CC	<i>Tuấn</i>		3,8	0,5	5,8	4,9	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Nguyễn Đức Cường

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Văn Ban

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phượng Thảo



Mã nhận dạng 04401



Trang 1/1

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CC_03 - 001_I**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016

Phòng Thi TV202

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 50%	D2 35%	D.Số 15%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118018	Trần Phương Đông	DH14CK			1,4	1,0	5,8	2,6	0001234567890	0123456789
2	13154018	Hồ Thanh Hết	DH13OT			4,1	1,0	9,2	4,8	0001234567890	0123456789
3	14154127	Nguyễn Văn Nhận	DH14OT			2,4	5,0	5,7	5,0	0001234567890	0123456789
4	14118077	Nguyễn Vĩnh Tôi	DH14CC			3,7	3,5	5,3	5,7	0001234567890	0123456789
5	14118308	Lê Trọng Văn	DH14CC			1	3,0	3,3	2,5	0001234567890	0123456789
6	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC			3,9	1,5	4,0	5,0	0001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

hà nưc bưn

Cán Bộ Chấm Thi 2

ng Thi Phươg Thao

Cán bộ coi Thi 1:

Bên Công Hạch

Cán bộ coi Thi 2:

Nguyễn Thái An



Mã nhận dạng 04332



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CC_03 - 001_I** Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016

Phòng Thi TV202

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 35%	D.Số 15%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118313	Dặng Xuân Trọng	DH13CK			0,4	0,5	3,5	1,9	0001234567890	01234567890
17	13118344	Bùi Văn Tú	DH13CC			2,2	1,0	7,3	3,6	0001234567890	01234567890
18	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			0,6	5,0	6,7	3,4	0001234567890	01234567890
19	14118306	Võ Xuân Tùng	DH14CC		✓	✓	✓	✓	✓	0001234567890	01234567890
20	13118063	Lê Văn Tuyền	DH13CC			2,6	1,5	7,8	4,3	0001234567890	01234567890

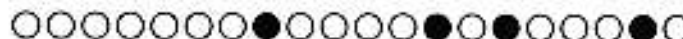
Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

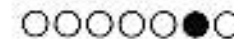
Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 04258



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CC_03 - 001_I Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016 Phòng Thi TV202

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 35%	D.Số 15%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm R
16	14118078	Nguyễn Công Trọng	DH14CC			3,4	1,0	4,0	4,4	010123456789	010123456789
17	14118296	Nguyễn Duy Tuấn	DH14CC			2	2,5	4,3	3,5	010123456789	010123456789
18	12118101	Nguyễn Thanh Tùng	DH12CC			2	7,0	7,5	5,6	010123456789	010123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

học viên Ban

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô Thị Phụng Thảo

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CK_04 - 001_1**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016

Phòng Thi TV103

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 35%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118001	Bùi Văn An	DH14CK	An		1,6	3,0	4,5	3,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	14118007	Võ Văn Cảnh	DH14CK	Cảnh		1,1	3,5	5,8	3,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK	Cảnh		1,6	2,5	2,5	2,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK	Cường		0,3	0,5	6,7	1,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	14118141	Trần Văn Diệp	DH14CK	Diệp		0,9	0,5	4,2	1,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	14118013	Bùi Tấn Dương	DH14CK	Dương		0,7	3,0	3,8	2,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK	Hải		0,3	1,0	6,3	1,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	14118159	Phạm Tấn Hiệp	DH14CK	Hiệp		1,5	1,5	6,0	2,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	14118170	Bùi Quang Huy	DH14CK	Huy		0,8	0,5	0	1,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	14118033	Đặng Phú Khánh	DH14CK	Khánh		✓	✓	✓	✓	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK	Linh		0,6	1,0	7,2	2,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	14118216	Nguyễn Nhật Phi	DH14CK	Phi		0,8	1,5	4,3	2,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	14118230	Võ Văn Phước	DH14CK	Phước		✓	✓		✓	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC	Sang		1,1	4,0	5,7	3,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	14118267	Nguyễn Hoàng Thông	DH14CK	Thông		✓	✓	✓	✓	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Phòng Thi TV103

Trane 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ1%	D2 Đ2%	Đ.Số Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK			0.6	2.5	3.2	2.0	0012345678910	0123456789
2	14118138	Nguyễn Văn Thành Đạt	DH14CK		✓	✓	✓		✓	0012345678910	0123456789
3	14118017	Nguyễn Thanh Điền	DH14CK			0.1	4.5	3.5	2.2	0012345678910	0123456789
4	14118131	Lê Văn Dương	DH14CK			0.1	1.5	3.5	1.2	0012345678910	0123456789
5	12118033	Đỗ Văn Hải	DH12CC			0.6	2.5	3.8	2.4	0012345678910	0123456789
6	14118155	Huỳnh Cao Trung Hậu	DH14CK		✓	✓	✓		✓	0012345678910	0123456789
7	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK			1.1	1.8	1.0	1.9	0012345678910	0123456789
8	14118186	Phạm Anh Khoa	DH14CK			0.5	1.0	6.3	1.8	0012345678910	0123456789
9	11154045	Chu Đức Minh	DH11OT			1.1	1.0	✓	1.4	0012345678910	0123456789
10	14118204	Nguyễn Tấn Tuấn Ngọc	DH14CK		✓	✓	✓		✓	0012345678910	0123456789
11	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC			0.4	1.0	2.7	1.2	0012345678910	0123456789
12	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK			0.6	1.7	6.0	2.0	0012345678910	0123456789
13	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK			1.5	0.5	4.8	2.4	0012345678910	0123456789
14	14118218	Phạm Thanh Phong	DH14CK			0.8	1.5	3.3	1.8	0012345678910	0123456789
15	14118223	Phạm Hoàng Phương	DH14CK			0.2	0.5	2.7	0.8	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CK_04 - 001_1 Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016 Phòng Thi TV103

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

Training 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.S %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm IR
1	13118078	Trịnh Quốc Bảo	DH13CK			0,1	2,5	3,2	1,5	00002345678910	0123456789
2	13154089	Phạm Việt Cường	DH13OT			0,1	1,5	1,8	0,9	00012345678910	0123456789
3	13115190	Trần Công Định	DH13CB		V	V	V	V	V	00012345678910	0123456789
4	13118105	Trần Tùng Dương	DH13CK			0	1,5	1,8	0,8	00012345678910	0123456789
5	13154014	Cao Xuân Giáp	DH13OT			0,8	4,3	4,2	1,9	00002345678910	0123456789
6	13154024	Lại Thị Hương	DH13OT			2,2	2,5	7,0	4,1	00012345678910	00023456789
7	14118038	Thượng Công Lộc	DH14CK			2,3	1,5	3,7	3,4	00012345678910	0123456789
8	13118221	Võ Văn Nguyên	DH13CK			0,4	1,0	1,3	0,9	00012345678910	0123456789
9	13154161	Thượng Minh Quang	DH13OT			0,5	1,0	6,0	1,8	00002345678910	0123456789
10	14118239	Vân Công Sĩ	DH14CK			0,3	0,5	1,8	0,7	00012345678910	0123456789
11	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13CI			1,8	7,5	6,8	5,5	00012345678910	0123456789
12	13334205	Võ Thái Thuận	CD13CI		V	V	V	V	V	00012345678910	0123456789
13	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK			0,3	2,7	0	1,3	00002345678910	0123456789
14	13118319	Nguyễn Huy Trung	DH13CC			0,6	9,5	7,2	4,7	00012345678910	0123456789
15	13154201	Trần Anh Tuấn	DH13OT			2,5	4,2	0	4,0	00012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CK_04 - 001_I** Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016 Phòng Thi TV103

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 25%	Đ.Số 15%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118004	Đổng Văn Bảo	DH14CK			1,4	1,0	8,5	2,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118117	Lê Tiến Công	DH14CK			1,5	2,5	3,7	2,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118134	Nguyễn Văn Đại	DH14CK			1,7	1,5	3,0	2,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118016	Phạm Tấn Đạt	DH14CK			0,8	1,5	5,8	2,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118132	Nguyễn Võ Trí Dương	DH14CK			1,3	1,2	6,8	2,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118034	Đinh Đức Kiên	DH14CK			0,9	1,3	2,0	1,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14118192	Lê Thành Long	DH14CK			0,2	1,0	3,5	1,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118205	Trần Vũ Quý Ngọc	DH14CK		✓	✓	✓	✓	✓	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118207	Nguyễn Lê Nguyên	DH14CK			0,2	1,0	2,8	1,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK			1,9	0,5	2,8	2,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118226	Nguyễn Tấn Phước	DH14CK			2,1	1,5	5,3	3,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118056	Đinh Hồng Quân	DH14CK		✓	✓	✓	✓	✓	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK		✓	✓	✓	✓	✓	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14118067	Nguyễn Kiều Minh	DH14CK			0,1	0,5	0	0,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118268	Nguyễn Nhật Thông	DH14CK			1,1	2,5	6,8	3,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 04259



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CK_04 - 001_I Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016

Phòng Thi TV103

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 0%	Đ2 25%	Đ.Số 15/16	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118249	Phạm Châu Thanh	DH14CK	✓	✓	✓	✓		✓	001234567890	0123456789
17	14118066	Hoàng Phước Thuận	DH14CK	✓	✓	✓	✓		✓	001234567890	0123456789
18	10158081	Lê Văn Thông	DH10SK	7/8		1,9	1,5	0	2,4	001234567890	0123456789
19	14118299	Trần Anh Tuấn	DH14CK	✓	✓	✓	✓		✓	001234567890	0123456789
20	14118093	Trần Phước Vinh	DH14CK	1/2		2,4	0,5	3,5	3,1	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

HD: 14
Vắng: 06

(Signature)
Vũ Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 1

(Signature)
Lê Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 2

(Signature)
Ng Thị Phương Thảo

CBCT1

(Signature)
Lê Quang Hải

CBCT2

(Signature)
Ng Thị Hồng Diệp



Mã nhận dạng 04333



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CK_04 - 001_1 Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016

Phòng Thi TV103

Lớp DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13154204	Trần Phước Tường	DH13OT			1.6	4.5	3.0	3.6	0012345678910	0123456789
17	14118311	Trần Xuân Vinh	DH14CK			2.7	8.3	6.7	6.6	0012345678910	0123456789
18	13154069	Nguyễn Tuấn Vũ	DH13OT			1.5	6.0	6.7	4.6	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

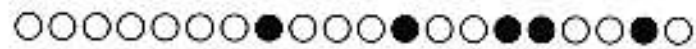
Lê Văn Đoàn

Cán Bộ Chấm Thi 2

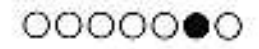
Ngã Thị Phương ThảoCBCT 1

Lê Quang HânCBCT 2

Ngã Thị Hồng Diệp



Mã nhận dạng 04402



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CK_04 - 001_1** Số Tín Ch **2**

Ngày Thi **15/01/2016** Phòng Thi **TV103**

Lớp **DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 35%	D.Số 15%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118074	Phạm Đình Tiên	DH14CC			1,1	2,0	5,0	2,6	001034567890	0123456789
17	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK			0,1	1,0	4,2	1,1	0010234567890	0123456789
18	14118304	Phạm Thanh Tùng	DH14CK			1,4	0,5	2,0	1,9	0010234567890	0123456789
19	14118305	Trương Thanh Tùng	DH14CK			1,4	2,5	6,7	3,3	0012034567890	0123456789
20	14118309	Bùi Thanh Vinh	DH14CK			1,6	2,5	4,5	3,2	0012034567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn
Vũ Đức Bình

Cán Bộ Chấm Thi 1
Lê Văn Bân

Cán Bộ Chấm Thi 2
Nguyễn Thị Phương Thảo
CBCT 1

Lê Quang Hải

CBCT 2

Nguyễn Thị Hồng Diệp



Mã nhận dạng 04178



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CK_04 - 001_1** Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016

Phòng Thi TV103

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118279	Nguyễn Duy Toàn	DH14CK	<i>[Signature]</i>	✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
17	14118080	Cao Văn Trinh	DH14CC	<i>[Signature]</i>		0.8	2.5	5.0	2.4	0012345678910	0123456789
18	14118081	Lê Ngọc Đăng	DH14CK	<i>[Signature]</i>		1.6	2.7	4.7	3.3	0012345678910	0123456789
19	14118084	Ngô Văn Trung	DH14CK	<i>[Signature]</i>		0.8	1.0	0	1.2	0012345678910	0123456789
20	14118315	Trần Bá Vương	DH14CK	<i>[Signature]</i>		2.3	1.0	4.2	3.3	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

[Signature]
Lê Văn Ban

Cán Bộ Chấm Thi 2

[Signature]
Ngô Thị Phượng ThảoCBCT 1
[Signature]
Lê Quang HảiCBCT 2
[Signature]
Ngô Thị Hồng Đĩnh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CK_05 - 001_I** Số Tin Ch 2

Ngày Thi **15/01/2016** Phòng Thi **TV101**

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 30%	D.Số 15%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK			1,6	4,0	4,0	3,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14118116	Trương Chiến	DH14CK			3,4	2,5	6,5	5,3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14118030	Nguyễn Đức Huy	DH14CK			2,8	1,0	3,3	3,7	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK			3,1	4,0	3,5	5,0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14118189	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH14CK			2,8	2,5	4,7	4,4	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK			1,5	1,5	3,5	2,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK			4,2	7,0	6,5	7,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118200	Phạm Quang Nam	DH14CK			2,4	1,5	5,0	3,7	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14118210	Nguyễn Minh Nhật	DH14CK			3,3	1,2	3,5	4,2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118215	Võ Tấn Phát	DH14CC			1,8	2,0	6,7	3,5	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344105	Bùi Văn Phú	CD12CI			1	1,5	4,2	2,2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14118232	Lê Văn Nhật Quang	DH14CC			1,3	2,5	6,2	3,1	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14118259	Nguyễn Gia Thê	DH14CK			2,4	1,5	3,3	3,4	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14118068	Nguyễn Quốc Thiện	DH14CK			1,8	1,0	0	2,2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14118264	Nguyễn Xuân Thiệu	DH14CK			2,7	5,5	3,8	5,2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 04334



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm: Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CK_05 - 001_I Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016 Phòng Thi TV101

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 35%	D3 45%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118274	Trần Văn Thương	DH14CC			4,1	6,0	5,8	7,1	001234567890	0123456789
17	14118280	Nguyễn Minh Trí	DH14CK			1,4	1,5	0	1,9	001234567890	0123456789
18	14118294	Nguyễn Phi Trùng	DH14CK			2,5	1,5	2,2	3,4	001234567890	0123456789
19	14118088	Hồ Hoàng Tuấn	DH14CK			2,9	2,5	6,0	4,7	001234567890	0123456789
20	14118095	Nguyễn Quốc Vương	DH14CK			2,7	3,0	3,7	4,3	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Lê Văn Ban

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán bộ coi thi 1

Cao Đức Lợi

Cán bộ coi thi 2

Tê Văn Tiến



Mã nhận dạng 04403



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CK_05 - 001_1 Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016 Phòng Thi TV101

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 35%	Đ.Số 15%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118083	Trương Minh Trí	DH14CK			2,4	4,0	4,0	4,9	001234567899	0123456789
17	14118283	Lê Đức Trọng	DH14CK			2,5	3,0	4,3	4,3	001234567899	0123456789
18	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK	✓	✓	✓	✓	✓	✓	001234567899	0123456789
19	14118312	Hà Thành Vi	DH14CK			2,7	1,0	6,2	4,0	001234567899	0123456789
20	14118322	Nguyễn Duy Xuân	DH14CK			1,9	1,5	6,0	3,3	001234567899	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Lê Văn Bạt

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán bộ coi thi 1

Cao Đức Lợi

Cán bộ coi thi 2

Lê Văn Triều

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CK_05 - 001_1

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 35%	D.Số 15%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154020	Đậu Ngọc Hiếu	DH13OT			3,2	1,0	6,7	4,6	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13115232	Cáp Hữu Hùng	DH13CB			1,8	1,5	3,3	2,8	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14153027	Nguyễn Phan Lợi	DH14CD	✓	✓	✓	✓	✓	✓	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118035	Nguyễn Đình Nhật	DH13CK			1,7	6,0	6,5	4,8	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13154165	Nguyễn Duy Quyền	DH13OT	✓	✓	✓	✓	✓	✓	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118297	Huỳnh Nhật Tuấn	DH14CK	✓	✓	✓	✓	✓	✓	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	12344151	Trần Mạnh Tường	CD12CI			2,5	1,0	3,8	3,4	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Lê Văn Bền

Cán Bộ Chấm Thi 2

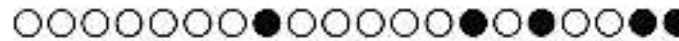
Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán bộ coi thi 1

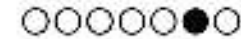
Cao Đức Lợi

Cán bộ coi thi 2

Lê Văn Tuấn



Mã nhận dạng 04179



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **Dụng sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CK_05 - 001_I** Số Tín Ch: 2Ngày Thi **15/01/2016** Phòng Thi **TV101**Lớp **DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 50%	D2 35%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13115393	Lê Văn Thịnh	DH13CB			2,4	2,5	6,0	4,2	001234567890	0123456789
17	13334212	Lâm Quốc Tiến	CD13CI			1,6	2,5	2,5	2,9	001234567890	0123456789
18	13154067	Phạm Trinh Hoàng Văn	DH13OT			4	0,5	6,3	5,2	001234567890	0123456789
19	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK			2,1	2,5	2,8	3,4	001234567890	0123456789
20	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK			0,8	4,2	4,3	2,9	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

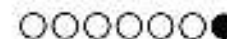
Lê Văn Bền

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phượng ThảoCBC 1

Cao Đức LợiCBC 2

Lê Văn Tiến



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

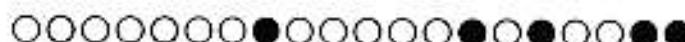
Môn Học/Nhóm: Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CK_05 - 001_1 Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/01/2016 Phòng Thi TV101

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 50%	D2 25%	D.Số 1,5%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK			1,3	2,5	3,5	2,7	001234567890	0123456789
2	14118120	Nguyễn Minh Cương	DH14CK			1,8	4,0	6,3	4,2	001234567890	0123456789
3	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC			1,7	3,0	6,3	3,7	001234567890	0123456789
4	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK			1,8	3,5	0	3,0	001234567890	0123456789
5	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK			3,4	2,5	5,3	5,1	001234567890	0123456789
6	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK			1,3	1,0	3,7	2,2	001234567890	0123456789
7	14118162	Bùi Xuân Hoàng	DH14CK			2,9	2,5	4,7	4,5	001234567890	0123456789
8	14118164	Tôn Nhật Hoàng	DH14CK			1,7	1,2	5,5	2,9	001234567890	0123456789
9	12344068	Trần Văn Lai	CD12CI			2,7	5,5	4,3	5,3	001234567890	0123456789
10	14118042	Nguyễn Trung Nguyên	DH14CK			3,6	3,5	2,5	6,0	001234567890	0123456789
11	14118214	Nguyễn Xuân Phát	DH14CK			0,9	0,5	0	1,1	001234567890	0123456789
12	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK			3,7	2,5	6,7	5,6	001234567890	0123456789
13	14118062	Đỗ Văn Tàu	DH14CK			0,7	2,0	2,7	1,8	001234567890	0123456789
14	14118069	Nguyễn Văn Thiện	DH14CK			2,4	1,5	4,7	3,6	001234567890	0123456789
15	14118266	Phan Minh Thoại	DH14CK			2,1	1,0	2,7	2,9	001234567890	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường(207107) - DH14CK_05 - 001_I**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi **15/01/2016**

Phòng Thi **TV101**

Lớp **DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ôtô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 45%	D.Số 15%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14154004	Nguyễn Hoài Bảo	DH14OT			3,2	3,0	4,9	4,9	001234567890	0123456789
2	13115194	Trần Thuận Đức	DH13CB			1,9	2,0	7,2	3,7	001234567890	0123456789
3	13118008	Nguyễn Hoài Anh Duy	DH13CK			3,1	1,5	6,3	4,6	001234567890	0123456789
4	13118133	Nguyễn Hoàng Hào	DH13CK			2,8	5,0	7,0	5,6	001234567890	0123456789
5	12344049	Nguyễn Phúc Hậu	CD12CI			2,2	1,5	0	2,7	001234567890	0123456789
6	13115036	Vô Văn Hiệp	DH13CB			2,8	1,5	3,7	3,9	001234567890	0123456789
7	14118179	Nguyễn Ngọc Kha	DH14CK	✓	✓	✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
8	14118036	Nguyễn Thành Lễ	DH14CC			2,2	2,5	6,5	4,1	001234567890	0123456789
9	13334111	Trần Văn Lộc	CD13CI			2,4	1,5	5,8	3,9	001234567890	0123456789
10	12344127	Vũ Tà Mạnh	CD12CI	✓	✓	✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
11	13154149	Vũ Tấn Nga	DH13OT			3,2	4,3	4,3	5,4	001234567890	0123456789
12	12344118	Nguyễn Ngọc Nguyên	CD12CI			3,5	5,5	5,0	6,2	001234567890	0123456789
13	12118114	Tô Ngọc Quang	DH12CC			2	9,0	6,8	6,2	001234567890	0123456789
14	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK			1,9	3,0	6,5	3,9	001234567890	0123456789
15	12118023	Thân Thiện Tân	DH12CC			2,4	7,0	6,3	5,8	001234567890	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14CB_01 - 001_ Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi HD301

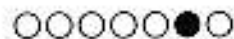
Lớp DH13GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115149	Phạm Tuấn Anh	DH13GN	<i>Phạm Tuấn Anh</i>		0,6	0,8	1,2	2,6	001034567890	0123456789
2	14115002	Đặng Phúc Anh	DH14CB	<i>Đặng Phúc Anh</i>		0,5	1,2	4,5	6,2	0010234567890	0123456789
3	14154068	Hồ Việt Anh	DH14OT	<i>Việt Anh</i>		0,2	0,2	3	3,2	0010234567890	0123456789
4	14115161	Lê Duy Bảo	DH14GN						7	0010234567890	0123456789
5	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK	<i>Nguyễn Đăng Châu</i>		1,3	1,4	4,8	7,5	0010234567890	0123456789
6	14118117	Lê Tiến Công	DH14CK	<i>Lê Tiến Công</i>		0,1	0,4	3,6	4,1	0010234567890	0123456789
7	13118108	Lâm Hữu Nguyễn Đan	DH13CK	<i>Nguyễn Đan</i>		1,6	1,2	4,5	7,3	0010234567890	0123456789
8	14115170	Nguyễn Thành Danh	DH14GN	<i>Nguyễn Thành Danh</i>		1,4	1	4,2	6,6	0010234567890	0123456789
9	14154080	Nguyễn Hoàng Diễm	DH14OT	<i>Nguyễn Hoàng Diễm</i>		0,2	0,1	0,6	0,7	0010234567890	0123456789
10	14115022	Phạm Hiếu Đức	DH14CB	<i>Phạm Hiếu Đức</i>		1,2	1	4,2	6,4	0010234567890	0123456789
11	14115020	Trần Duy Dương	DH14CB							0010234567890	0123456789
12	14115292	Huỳnh Khương Duy	DH14CB							0010234567890	0123456789
13	12154085	Lê Đình Trọng Giang	DH12OT	<i>Lê Đình Trọng Giang</i>		0,2	0,2	2	2,4	0010234567890	0123456789
14	12118033	Đỗ Văn Hải	DH12CC	<i>Đỗ Văn Hải</i>		1,3	0,8	2,2	4,3	0010234567890	0123456789
15	14154018	Trần Bá Hiên	DH14OT	<i>Trần Bá Hiên</i>		1,2	1,4	4,5	7,1	0010234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04071



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14CB_01 - 001_

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp DH14CB (Chế biến lâm sản)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14115186	Trần Văn Hiên	DH14CB	<i>Th</i>		1,5	1,3	4,8	7,6	001234567890	0123456789
17	13138068	Hoàng Minh Hiếu	DH13TD						✓	001234567890	0123456789
18	14138051	Lê Văn Hiếu	DH14TD	<i>Th</i>		1,8	1,8	5,4	9,0	001234567890	0123456789
19	14115036	Võ Ngọc Hiếu	DH14CB	<i>Th</i>		1,3	1	4,2	6,5	001234567890	0123456789
20	14118166	Võ Văn Hòa	DH14CK	<i>Th</i>		0,6	0,4	4,5	5,5	001234567890	0123456789
21	14154103	Nguyễn Phi Hùng	DH14OT						✓	001234567890	0123456789
22	14154022	Nguyễn Khánh Huy	DH14OT	<i>Th</i>		0,2	0,4	2,4	3,0	001234567890	0123456789
23	13115247	Nguyễn Mạnh Kha	DH13GN						✓	001234567890	0123456789
24	13154127	Võ Quốc Khải	DH13OT	<i>Th</i>		1,2	1,2	5,4	7,8	001234567890	0123456789
25	14115448	Phạm Việt Khải	DH14CB	<i>Th</i>		1,1	0,4	2,5	4,0	001234567890	0123456789
26	14154107	Quách Nguyễn Thành Khang	DH14OT	<i>Th</i>		1,8	1,8	5,4	8,7	001234567890	0123456789
27	14154027	Cao Hoàng Khanh	DH14OT	<i>Th</i>		1,8	1,8	4,5	8,0	001234567890	0123456789
28	14118187	Nguyễn Hữu Khôi	DH14CC	<i>Th</i>		1,8	1,6	5,4	8,8	001234567890	0123456789
29	12344198	Cai Trung Kiệt	CD12C1	<i>Th</i>		0,4	1,6	4,2	7,2	001234567890	0123456789
30	14115424	Trần Văn Kiệt	DH14CB						✓	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04071



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm: Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14CB_01 - 001_ Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi HD301

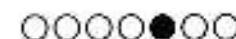
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118036	Nguyễn Thành	Lê	DH14CC	Le	1,6	1,2	5,0	7,8	0012345678910	0123456789
32	14118192	Lê Thành	Long	DH14CK	Long	1,2	1,2	4,7	7,1	0012345678910	0123456789
33	13115274	Phạm Đức	Lương	DH13CB					✓	0012345678910	0123456789
34	14115201	Nguyễn Nhật	Minh	DH14CB					✓	0012345678910	0123456789
35	14115077	Nguyễn Văn	Nam	DH14GN	Nam	1,2	1,2	4,7	7,1	0012345678910	0123456789
36	14154125	Nguyễn Minh	Ngọc	DH14OT					✓	0012345678910	0123456789
37	14115206	Nguyễn Phú	Nguyên	DH14CB	Nguyễn	0	0	1	1	0012345678910	0123456789
38	14138021	Trần Duy	Nhân	DH14TD					✓	0012345678910	0123456789
39	13138136	Ninh Quang	Nhật	DH13TD					✓	0012345678910	0123456789
40	14118210	Nguyễn Minh	Nhật	DH14CK	Minh	0,6	1,8	3,8	6,2	0012345678910	0123456789
41	14115090	Nguyễn Văn	Nhơn	DH14CB	Nhơn	1,2	1,4	3,6	6,1	0012345678910	0123456789
42	14115220	Nguyễn Trung	Phú	DH14CB					✓	0012345678910	0123456789
43	14115358	Vân Thị Thúy	Phương	DH14CB	Thúy	1,2	0,8	4,2	6,2	0012345678910	0123456789
44	12138127	Phan Thanh	Quý	DH12TD	Quý	1,2	0	2,8	4	0012345678910	0123456789
45	14115226	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	DH14GN	Quỳnh	1,8	1,8	4,9	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04071



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14CB_01 - 001_ Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016 Phòng Thi HD301

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 80%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14153045	Võ Xuân Quỳnh	DH14CD			1,5	1,4	5,6	8,5	001234567899	0123456789
47	13154167	Nguyễn Trần Anh Sơn	DH13OT			0,2	1,4	4,5	6,1	001234567899	0123456789
48	14137062	Nguyễn Ngọc Sơn	DH14NL			1,0	1,0	4,5	6,5	001234567899	0123456789
49	14153049	Nguyễn Thanh Tâm	DH14CD			1,2	1,0	4,5	6,7	001234567899	0123456789
50	14115234	Phạm Bá Tân	DH14CB			1,1	0,4	8,6	5,1	001234567899	0123456789
51	14115110	Trần Ngọc Tấn	DH14CB			1	1,4	1,2	3,6	001234567899	0123456789
52	14118062	Đỗ Văn Tàu	DH14CK			0,3	1,2	4,2	5,7	001234567899	0123456789
53	14118256	Nguyễn Quốc Thăng	DH14CC			0,1	0	1,2	1,3	001234567899	0123456789
54	14115115	Nguyễn Tân Thành	DH14CB			0,3	1,2	1,2	2,5	001234567899	0123456789
55	14118259	Nguyễn Gia Thế	DH14CK			0,1	1,2	4,5	5,8	001234567899	0123456789
56	14115451	Ngô Xuân Thịnh	DH14CB			1	1,0	4,5	6,5	001234567899	0123456789
57	14154056	Nguyễn Phúc Thịnh	DH14OT						✓	001234567899	0123456789
58	14115124	Nguyễn Thị Thoa	DH14CB			1,2	1,2	4,8	7,2	001234567899	0123456789
59	14154059	Phạm Văn Thúc	DH14OT			0,1	0,6	3,3	4,0	001234567899	0123456789
60	14115248	Ôn Thị Thanh Thủy	DH14CB			1	1,2	3,0	5,2	001234567899	0123456789



Mã nhận dạng 04071



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14CB_01 - 001_ Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp DH13GB (Công nghệ giấy và bột giấy)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	13115421	Phan Hữu Toàn	DH13GB	Phan		4,3	1	4,8	7,0	001234567899	0123456789
62	14118279	Nguyễn Duy Toàn	DH14CK							001234567899	0123456789
63	14115397	Ngô Thị Bích Trâm	DH14CB							001234567899	0123456789
64	13115438	Dương Thị Hồng Trính	DH13GB	Trinh		1,2	1	3,8	6,0	001234567899	0123456789
65	14118084	Ngô Văn Trung	DH14CK							001234567899	0123456789
66	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK	Trường		0,1	1,2	3,7	5,0	001234567899	0123456789
67	14138113	Trịnh Châu Từ	DH14TD	Trinh		1,6	1,8	5,4	8,8	001234567899	0123456789
68	13153255	Lê Ngọc Triệu Tuấn	DH13CD	Trinh		0,2	0,3	2,4	2,9	001234567899	0123456789
69	14115409	Nguyễn Hồng Tuấn	DH14CB	Trinh		0,8	1	4,2	6,0	001234567899	0123456789
70	13154208	Nguyễn Thế Viễn	DH13OT	Trinh		0,5	1,6	3,6	5,7	001234567899	0123456789
71	14115269	Lương Quốc Vinh	DH14CB						✓	001234567899	0123456789
72	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC			1,6	1,5	4,7	8,0	001234567899	0123456789
73	14118315	Trần Bà Vương	DH14CK			1,2	1,4	4,9	7,5	001234567899	0123456789



Mã nhận dạng 04071



Trang 6/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14CB_01 - 001_ Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 80%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
74	14115276	Lê Ngọc Thảo	Yên			15	12	54	81	00123456789	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SL: 56/74

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

B. V. H. T. T. P. S. B. Trần Thị Thanh

Chet 1

Chet 2

Chet 3

Phan Minh Đức

Trần Văn Tuấn Anh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14GB_02 - 001_**

Số Tin Ch 3

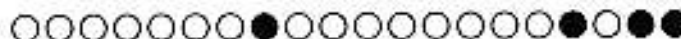
Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi TV202

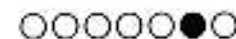
Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 80%	Đ2 85%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK			4,5	6	5	5,1	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK			6,5	5,5	4,9	5,3	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14154073	Lê Kim Chiến	DH14OT			2	2	4	2,8	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
4	13154089	Phạm Việt Cường	DH13OT			7	2	4	4,2	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13334048	Ngô Huỳnh Đăng	CD13CI			8	5,5	7,4	7,1	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14114356	Lâm Hồng Đào	DH14GB			5,8	7	4,7	5,4	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
7	13334047	Trần Quốc Đạt	CD13CI							○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14153070	Mai Thạch Dữ	DH14CD			1	5,4	6,5	5,2	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13115194	Trần Thiên Đức	DH13CB			4	4	8	6,4	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
10	13138052	Tô Minh Đức	DH13TD			8	8,3	8,5	8,4	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
11	12118019	Hồ Tấn Duy	DH12CK							○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	12344028	Nguyễn Lê Nhật Duy	CD12CI			3,5	4	5,3	4,7	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
13	13153054	Lâm Thái Duy	DH13CD			7,5	9	6,8	6,6	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	13154007	Nguyễn Huỳnh Duy	DH13OT			8	6	6,5	6,7	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
15	14115019	Nguyễn Thị Thanh Duyên	DH14CB			9	9	8,5	2,1	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 04107



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14GB_02 - 001_ Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi TV202

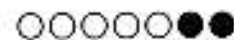
Lớp DH14GB (Công nghệ giấy và bột giấy)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50 %	D2 50 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14115295	Hoàng Thị Duyên	DH14GB			6	6	73	68	001234567890	0123456789
17	14115297	Lý Thị Cẩm	DH14GB			5	75	78	72	001234567890	0123456789
18	13154104	Lê Hữu Hải	DH13OT			9	75	51	60	001234567890	0123456789
19	14154090	Hồ Thanh Hải	DH14OT							001234567890	0123456789
20	13138064	Trần Văn Hạnh	DH13TD							001234567890	0123456789
21	14115447	Ung Thị Bích	DH14GB			5	8	45	53	001234567890	0123456789
22	14115027	Võ Thị Mỹ	DH14GB			4	7	48	51	001234567890	0123456789
23	14137002	Lê Nguyễn Việt	DH14NL			45	6	42	46	001234567890	0123456789
24	14153084	Lương Thiên Tài	DH14GD							001234567890	0123456789
25	14118026	Nguyễn Đức Hiếu	DH14CK			75	7	46	57	001234567890	0123456789
26	12138047	Dương Văn Hoàn	DH12TD			2	45	53	45	001234567890	0123456789
27	12137023	Lưu Đình Hưng	DH12NL			73	4	75	56	001234567890	0123456789
28	14153094	Hứa Tiến Hưng	DH14CD			3	6	47	46	001234567890	0123456789
29	14115051	Phan Thị Thu Hương	DH14GB			78	7	37	48	001234567890	0123456789
30	13115052	Nguyễn Phạm Phú Hữu	DH13CB			7	6	57	60	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04107



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14GB_02 - 001_

Số Tín Ch 3

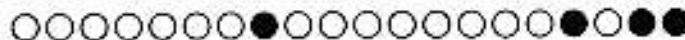
Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi TV202

Lớp DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	12154086	Huỳnh Minh Huy	DH12OT			9	6,5	7,7	7,7	00123456●890	0123456●89
32	14115317	Lê Thị Huyền	DH14GB			5,5	4,8	6,8	6,1	0012345●7890	0●23456789
33	13158094	Phạm Duy	DH13TD							001234567890	0123456789
34	13154027	Nguyễn Lê Khon	DH13OT							001234567890	0123456789
35	13138097	Trần Tiến Khôi	DH13TD			3	2	5,9	4,1	00123●567890	0●23456789
36	13115488	Huỳnh Thị Ngọc Lôi	DH13CB			6	7,8	6	6,4	0012345●7890	0123●56789
37	14115060	Lê Thị Thái	DH14CB							001234567890	0123456789
38	14115334	Nguyễn Thành	DH14CB							001234567890	0123456789
39	14154032	Nguyễn Văn Hoàng	DH14OT							001234567890	0123456789
40	14138019	Nguyễn Thành Luân	DH14TD			4,5	6,3	3,2	4,1	00123●567890	0●23456789
41	13118214	Trần Hoài Sơn	DH13CK			2	2	5	3,0	0012●4567890	●123456789
42	14115439	Trần Thị Thu	DH14GB			7,3	7,3	5,2	6,0	0012345●7890	●123456789
43	13138129	Trương Văn	DH13TD							001234567890	0123456789
44	13138130	Nguyễn Thuộc Lâm	DH13TD							001234567890	0123456789
45	12138044	Phạm Phúc Nha	DH12TD			7,5	6,5	6,2	6,5	0012345●7890	01234●6789



Mã nhận dạng 04107



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14GB_02 - 001_

Số Tín Ch 3

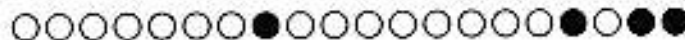
Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi TV202

Lớp DH14GB (Công nghệ giấy và bột giấy)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14115210	Lê Thanh Nhân	DH14GB			10	7	78	69	00123456789	0123456789
47	14115091	Ngô Thị Quỳnh Như	DH14CB			9	75	61	70	00123456789	0123456789
48	13153172	Nguyễn Tiến Phong	DH13CD			15	9	15	20	00123456789	0123456789
49	13138154	Huỳnh Văn Phúc	DH13TD			9	6	83	80	00123456789	0123456789
50	13138174	Trần Thị Sáng	DH13TD			9	8	85	85	00123456789	0123456789
51	14115231	Hoàng Đình Tài	DH14CB			7	7	7	70	00123456789	0123456789
52	14154139	Lê Tấn Tài	DH14OT			6	55	62	60	00123456789	0123456789
53	13138183	Vũ Minh Tâm	DH13TD			8	7	75	75	00123456789	0123456789
54	13153022	Nguyễn Hữu Tân	DH13CD			88	8	80	82	00123456789	0123456789
55	14118066	Hoàng Phước Thiên	DH14CK							00123456789	0123456789
56	14138096	Nguyễn Công Thiện	DH14TD			3	5	2	28	00123456789	0123456789
57	13115115	Vân Thị Hoàng Thư	DH13CB			4	6	33	40	00123456789	0123456789
58	14115136	Trần Văn Toán	DH14GB			3	9	2	18	00123456789	0123456789
59	13115442	Võ Công Trình	DH13CB			4	35	35	36	00123456789	0123456789
60	13138232	Trần Hữu Trọng	DH13TD			18	0	33	25	00123456789	0123456789



Mã nhận dạng 04107



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14GB_02 - 001_**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi TV202

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Điểm %	D2 Điểm %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14118284	Nguyễn Đức Trọng	DH14CK							001234567890	0123456789
62	14153138	Phan Văn Trọng	DH14CD	Trọng		35	6	82	68	001234567890	0123456789
63	12344139	Nguyễn Bà	CD12CI	Trọng		55	55	75	67	001234567890	0123456789
64	13115451	Lê Văn Tuấn	DH13CB	Tuấn		8	7	65	69	001234567890	0123456789
65	14115148	Võ Thành Tuấn	DH14GB	Tuấn		6	75	67	67	001234567890	0123456789
66	14115264	Trần Anh Tuấn	DH14GB	Tuấn		15	2	2	15	001234567890	0123456789
67	14118297	Huỳnh Nhật Tuấn	DH14CK							001234567890	0123456789
68	14118304	Phạm Thanh Tùng	DH14CK	Tuấn		5	5	4	214	001234567890	0123456789
69	14118305	Trương Thanh Tùng	DH14CK	Tuấn		85	2	7	59	001234567890	0123456789
70	13154207	Võ Thanh Văn	DH13OT	Tuấn		10	88	10	9,8	001234567890	0123456789
71	13154068	Phạm Hiền Vinh	DH13OT	Tuấn		75	2	83	65	001234567890	0123456789
72	13115479	Phan Quốc Vũ	DH13CB	Tuấn		88	55	62	66	001234567890	0123456789
73	13154070	Nguyễn Võ Hoàng Vũ	DH13OT	Tuấn		7	2	1	210	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04107



Trang 6/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14GB_02 - 001_** Số Tín Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi TV202

Lớp **DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 10%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
74	13153031	Trần Thế Vương	DH13CD	<i>Trần Thế Vương</i>		<i>0</i>	<i>0</i>	<i>35</i>	<i>21</i>	001●34567890	0●23456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 30 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Văn Tiến

Nguyễn Thị Kiều Hằng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14GN_03 - 001_

Số Tin Ch 3

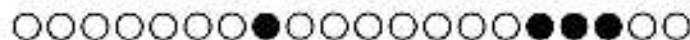
Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14154003	Nguyễn Chí Bảo	DH14OT	<i>Phan</i>		2	5	3,3	2,4	○●①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
2	13154078	Nguyễn Thái Bình	DH13OT	<i>Phan</i>		4,5	7	8,5	7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
3	14153068	Nguyễn Hoàng Anh Chiến	DH14CD	<i>Chu</i>		5,5	6,3	6,7	7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118091	Nguyễn Duy Cường	DH13CK							○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14115431	Vũ Hy Hải	DH14GN							○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14154011	Nguyễn Phát Đạt	DH14OT	<i>Phan</i>		4,5	6,4	4,8	5,1	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT	<i>Phan</i>		7	5,3	7	6,7	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
8	14118142	Nguyễn Văn Định	DH14CC							○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14137018	Trương Hoàng Dù	DH14NL	<i>Phan</i>		8	2,5	8,7	8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14115178	Ngô Ngọc Đức	DH14GN	<i>Phan</i>		7	5,3	7,2	6,8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
11	13138042	Quách Đình Dũng	DH13TD	<i>Phan</i>		3,5	5	5,5	4,0	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14138043	Phan Văn Dũng	DH14TD							○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14153010	Trần Vũ Anh Duy	DH14CD							○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK	<i>Phan</i>		6,5	5,4	6,2	6,1	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14154091	Nguyễn Văn Hạnh	DH14OT	<i>Phan</i>		5,5	5,5	7	6,4	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 04124



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14GN_03 - 001_

Số Tin Ch 3

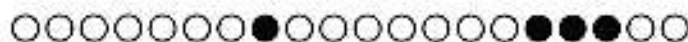
Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 40%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14115181	Nguyễn Minh Hào	DH14GN			6,5	7	8,3	7,7	0012345678910	0123456789
17	14115032	Nguyễn Minh Hiền	DH14GN			6	9	4,6	4,0	0012345678910	0123456789
18	14118024	Phạm Thanh Hiền	DH14CC			8,5	6,5	8	7,8	0012345678910	0123456789
19	14115312	Lê Văn Hiệp	DH14GN			8	6,2	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
20	141154021	Nông Quốc Hoàn	DH14OT			5,5	4	9	7,3	0012345678910	0123456789
21	12153079	Võ Văn Huy	DH12CD			5	3,5	6,2	5,4	0012345678910	0123456789
22	14115314	Lê Thị Hợp	DH14GN			6	4	8	6,8	0012345678910	0123456789
23	14115050	Trương Văn Hưng	DH14CB			3,5	7	7,5	6,6	0012345678910	0123456789
24	14115322	Lê Thị Hương	DH14GN							0012345678910	0123456789
25	14115320	Phạm Hoài Khánh	DH14GB			9,5	8,3	6,8	7,6	0012345678910	0123456789
26	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK			2	6,5	6	5,3	0012345678910	0123456789
27	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			6	5,5	6	5,9	0012345678910	0123456789
28	14118038	Thượng Công Lộc	DH14CK			4,5	6,5	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
29	14115070	Đoàn Thị Lựu	DH14GN			9	7	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
30	13153014	Trịnh Đình Minh	DH13CD			2,8	9	5	3,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04124



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

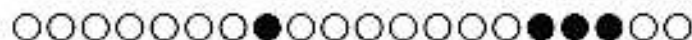
Môn Học\Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14GN_03 - 001_ Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016 Phòng Thi TV101

Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gồ nội thất)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14115343	Nguyễn Thanh	Nam	Nguyễn Thanh		2	9	4	2,8	001034567890	0123456700
32	14138068	Vũ Lê Hoài	Nam	nam		4,5	3	6,5	6,2	001234567890	0103456789
33	14154037	Hoàng Văn	Nam	nam		6	4,3	8	6,9	001234567890	0123456780
34	14115204	Bùi Kim Hồng	Nghĩa	hồng		5,5	8	5,8	6,2	001234567890	0103456789
35	13118219	Trịnh Đình Vũ	Ngọc							001234567890	0123456789
36	14118207	Nguyễn Lê	Nguyễn	Nguyễn		2	9	4,5	3,1	001204567890	0023456789
37	14153041	Vũ Minh	Nhật	Minh		5	6	6,3	7,2	001234567890	0103456789
38	14115352	Nguyễn Tấn	Phát	Tấn		5	3,5	8,2	7,6	001234567890	0123450789
39	13115319	Phạm Hoàng	Phi	Hoàng		2,8	9	8,3	5,5	001234067890	0123406789
40	14118057	Tạ Minh	Quân	Minh		3	6	3,8	4,1	001230567890	0023456789
41	13118242	Nguyễn Ngọc Thiên	Quang							001234567890	0123456789
42	14118234	Nguyễn Thiện	Quang	Quang		2,5	4	5,5	4,6	001230567890	0123450789
43	13154163	Đào Trần Phú	Quốc	Đào		3,5	5	7,5	6,2	001234567890	0103456789
44	13115351	Hồ Phúc	Quy	Phúc		9	6	3,2	4,9	001230567890	0123456780
45	13115092	Ngô Tấn	Sĩ	Tấn		1,8	9	4,5	1,3	000234567890	0120456789



Mã nhận dạng 04124



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14GN_03 - 001_

Số Tin Ch 3

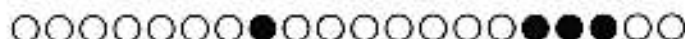
Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14115104	Nguyễn Xuân Vinh	Son	DH14GN		1	0	0	0,2	001234567890	0103456789
47	13115094	Nguyễn Trí	Tài	DH13CB		8,3	9,2	8	7,5	001234567890	0123456789
48	14115109	Huỳnh Duy	Tân	DH14GN		8	8,5	8,8	8,6	001234567890	0123456789
49	14153129	Phạm Hoàng	Thân	DH14CD		6	8	8,8	8,1	001234567890	0123456789
50	13334181	Trần Văn	Thành	CD13CI		2	6	8	6,4	001234567890	0123456789
51	14115237	Nguyễn Hiếu	Thảo	DH14GN						001234567890	0123456789
52	13153219	Tôn Thất	Thiện	DH13CD		1	0	10,5	1,1	001234567890	0123456789
53	14118263	Nguyễn Tấn	Thiện	DH14CC		2	3,5	7	5,3	001234567890	0123456789
54	14115243	Đỗ Ngọc	Thịnh	DH14GB		7	8,5	8,5	8,2	001234567890	0123456789
55	14153050	Nguyễn Phú	Thịnh	DH14CD		2,3	5	10,5	4,2	001234567890	0123456789
56	13115398	Đinh Thị	Thu	DH13CB		10	8,5	9,5	9,4	001234567890	0123456789
57	14154057	Ôn Hoa	Thu	DH14OT		3	0	3,5	2,7	001234567890	0123456789
58	14118272	Phạm Đình	Thuận	DH14CK						001234567890	0123456789
59	13115116	Nguyễn Hoàng	Thương	DH13GB		1	0	0	0,2	001234567890	0123456789
60	13115119	Đặng Thị Cẩm	Tiên	DH13GB		4	8	6,3	6,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04124



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14GN_03 - 001_

Số Tin Ch 3

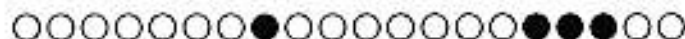
Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi TV101

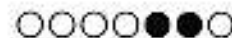
Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ1 %	D2 Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14154060	Tăng Quốc Tiến	DH14OT			8	7	10	9,0	001234567890	0123456789
62	12154199	Nguyễn Thanh Tông	DH12OT			5,3	4	6,3	5,6	001234567890	0123456789
63	13154188	Nguyễn Duy Trần	DH13OT			3,5	4,5	3,3	6,0	001234567890	0123456789
64	14115400	Hồ Diễm Trinh	DH14GB			8	7	7	7,2	001234567890	0123456789
65	14154062	Nguyễn Thủ Trọng	DH14OT			1,5	0	4	2,7	001234567890	0123456789
66	13153246	Từ Sỹ Trung	DH13CD			2,8	0	3,7	2,8	001234567890	0123456789
67	13154065	Nguyễn Văn Trung	DH13OT			6	8	3,3	3,8	001234567890	0123456789
68	14115263	Lê Anh Trung	DH14GN							001234567890	0123456789
69	13153251	Nguyễn Xuân Trường	DH13CD							001234567890	0123456789
70	14115406	Nguyễn Văn Trường	DH14GN			7	8	9	8,4	001234567890	0123456789
71	14118089	Nguyễn Nhật Tuyền	DH14CC			2,8	4	3	3,2	001234567890	0123456789
72	14115412	Võ Thị Thanh Tuyền	DH14GN			6	8	8	3,6	001234567890	0123456789
73	14115418	Đặng Trọng Quốc Việt	DH14GN			7	4,2	2,5	3,7	001234567890	0123456789
74	14118309	Bùi Thanh Vinh	DH14CK			7	7	9	8,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04124



Trang 6/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH14GN_03 - 001_** Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi TV101

Lớp **DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
75	13153275	Lê Văn Vũ	DH13CD			15	2	8	5,5	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 20 Tháng 1 Năm 2016

SL: 03/75

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

CBCT 1

CBCT 2

CBCT 3

Cao Đức Lợi
Nguyễn Văn Tuấn Anh

N.V. Kiệp

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15CC_04 - 001_** Số Tín Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016 Phòng Thi PV323

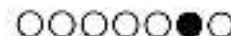
Lớp **DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC			8	6	6,5	6,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
2	14154007	Nguyễn Thành Công	DH14OT			6,5	8	8,5	8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
3	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC			9,8	6,5	7	7,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
4	14154013	Trương Nhật Điển	DH14OT			7,5	6,3	5	5,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
5	15118018	Nguyễn Thanh Đông	DH15CC		✓	✓				○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
6	13118012	Trần Vũ Tài Đức	DH13CC		✓					○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
7	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC			5	6	3	4,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
8	15118024	Nguyễn Văn Hoàng	DH15CC			6	4	2	3,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
9	14154009	Nguyễn Hoài Duy	DH14OT			6	2	2	3,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
10	15118027	Phạm Khánh Duy	DH15CC			7	3	1	2,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
11	15118028	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC			6	4,5	0	2,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
12	15118030	Nguyễn Ngọc Hân	DH15CC			0	0	4	2,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
13	15118033	Đào Trung Hiếu	DH15CC			6,8	4,5	2,9	4,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
14	15118039	Triệu Thế Hồng	DH15CC			7	6,5	6,8	6,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
15	15118042	Nguyễn Văn Huy	DH15CC			9	5	9,8	8,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●



Mã nhận dạng 04139



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

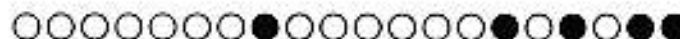
Môn Học/Nhóm: Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15CC_04 - 001_ Số Tín Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016 Phòng Thi PV323

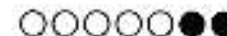
Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 20 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC	Khang		9	4	6,3	6,4	001234567890	0123456789
17	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC	Khanh		7,5	7,5	6,8	7,1	001234567890	0123456789
18	15118047	Trần Thị Thúy Kiều	DH15CC	Kieu		9	7,5	8	8,1	001234567890	0123456789
19	15118048	Nguyễn Văn Lam	DH15CC	Lam		8,5	5,3	5	4,8	001234567890	0123456789
20	15118051	Mai Văn Lịnh	DH15CC	Linh		5	6,5	7,3	6,7	001234567890	0123456789
21	14154030	Đỗ Đức Linh	DH14OT	Linh		3,5	6	4,5	4,6	001234567890	0123456789
22	15118052	Trào An Lộc	DH15CC	Loc		5,5	6	7,3	6,7	001234567890	0123456789
23	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC	Loi		5,5	4	4	4,3	001234567890	0123456789
24	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC	Long		8,8	7,5	7,9	8,0	001234567890	0123456789
25	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC	Luan		10	6,5	7,5	7,8	001234567890	0123456789
26	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC	Man		5	6	7	6,4	001234567890	0123456789
27	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC	Minh		6,5	7	8,8	8,0	001234567890	0123456789
28	15118065	Nguyễn Trúc	DH15CC	Truc		1,3	0	1	0,9	001234567890	0123456789
29	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD	Nam		7	5,3	5	5,5	001234567890	0123456789
30	15118067	Nguyễn Hoài	DH15CC	Hoi		9	5,3	8,2	7,8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04139



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15CC_04 - 001_

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15118072	Nguyễn Trung Nghĩa	DH15CC		V					0012345678910	0123456789
32	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC			5	5,3	2	8,4	0012345678910	0123456789
33	15118077	Nguyễn Minh Nhật	DH15CC			8,5	7	5,8	6,6	0012345678910	0123456789
34	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC			7	6,5	4,8	5,6	0012345678910	0123456789
35	15118082	Lê Bá Quân	DH15CC		V					0012345678910	0123456789
36	15118084	Bùi Quốc Quý	DH15CC			9	6	9,2	8,5	0012345678910	0123456789
37	15118085	Võ Văn Quốc	DH15CC			6	3,5	2	1,9	0012345678910	0123456789
38	14154044	Điền Quyết	DH14OT			3,5	8	8,3	8,1	0012345678910	0123456789
39	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC			3,5	6	5	5,7	0012345678910	0123456789
40	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC			2	4,5	6	4,9	0012345678910	0123456789
41	15118096	Nguyễn Thiện Thành	DH15CC			4,5	5,3	1	2,6	0012345678910	0123456789
42	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC			9	6	6	6,6	0012345678910	0123456789
43	14153133	Nguyễn Văn Thuận	DH14CD			6,8	5,8	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
44	13115403	Trần Văn Thuận	DH13GN			6	6	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
45	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC			6	6	4	4,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04139



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình - vẽ kỹ thuật(207108) - DH15CC_04 - 001_ Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/01/2016 Phòng Thi PV323

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 50%	D2 50%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	15118108	Lê Trung	Tính	DH15CC		10	7	6	7	0012345678910	0123456789
47	15118112	Nguyễn Hữu	Trần	DH15CC		8,8	7	8,3	8,1	0012345678910	0123456789
48	15118118	Nguyễn Bảo	Trọng	DH15CC						0012345678910	0123456789
49	14154156	Trần Hữu	Tuấn	DH14OT		8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
50	15118126	Nguyễn Minh	Tuấn	DH15CC		10	6,5	8	8,1	0012345678910	0123456789
51	15118128	Hoàng Trung	Tường	DH15CC		4,5	5,3	4	4,4	0012345678910	0123456789
52	15118130	Huỳnh Tấn	Vàng	DH15CC		8,3	6,5	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
53	15118135	Bùi Nhật	Vương	DH15CC		5,5	6,5	6	6,0	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 30 Tháng 1 Năm 2016

SS. 48/53

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 2:

Chep 2:

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15CK 05 - 001 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 12/01/2016

Phong Thi CT101

Lớp **DH15CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đa %	D2 Đa %	D.Số Đa %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118016	Phạm Hữu Định	DH15CK			7,5	9	4	5,7	001234567890	0123456789
2	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC	✓	✓					001234567890	0123456789
3	15118032	Ngô Đại Hiệp	DH15CK			2,5	0	8,0	5,3	001234567890	0123456789
4	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC			8,8	2	7	5,4	001234567890	0123456789
5	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK			0	3	3	2,4	001234567890	0123456789
6	15118036	Nguyễn Trọng Hiếu	DH15CK			5	3	7,5	6,1	001234567890	0123456789
7	15118037	Nguyễn Công Hòa	DH15CK			7,5	8	8,5	8,2	001234567890	0123456789
8	15118038	Lê Sĩ Hoàng	DH15CK			5	7	4	4,8	001234567890	0123456789
9	15118040	Nguyễn Quang Hưng	DH15CK			5	6	6,5	6,1	001234567890	0123456789
10	15118045	Du Đức Anh Khoa	DH15CK			2,5	3	4	3,5	001234567890	0123456789
11	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK			7,5	6,0	5	5,7	001234567890	0123456789
12	15118049	Nguyễn Văn Lâm	DH15CK			10	3	4,5	5,3	001234567890	0123456789
13	15118054	Đặng Duy Long	DH15CK			2,5	4,0	4,0	3,7	001234567890	0123456789
14	15118055	Lê Thanh Long	DH15CK			5	7	9,5	8,1	001234567890	0123456789
15	15118056	Nguyễn Nhật Long	DH15CK			2,5	8	9,0	7,5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04147



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15CK_05 - 001_ Số Tin Ch 3

Ngày Thi 12/01/2016 Phòng Thi CT101

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D3 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15118060	Phạm Văn Mai	DH15CK	<i>Phạm Văn Mai</i>		5	4	9	7,2	001234567890	0123456789
17	15118068	Phạm Đức	DH15CK	<i>Phạm Đức</i>		0	3	3	2,4	001234567890	0123456789
18	15118069	Vô Văn	DH15CK	<i>Vô Văn</i>		2,5	3,0	3,5	8,0	001234567890	0123456789
19	15118071	Nguyễn Tấn	DH15CK	<i>Nguyễn Tấn</i>		5	9	9	8,2	001234567890	0123456789
20	15118073	Phạm Đỗ Trung	DH15CK	<i>Phạm Đỗ Trung</i>		0	3	3,5	2,7	001234567890	0123456789
21	15118075	Nguyễn Thành	DH15CK	<i>Nguyễn Thành</i>		2,5	6	3	3,5	001234567890	0123456789
22	15118081	Trương Văn	DH15CK	<i>Trương Văn</i>		5	3,5	5	5,9	001234567890	0123456789
23	15118083	Vũ Hải	DH15CK	<i>Vũ Hải</i>		0	2	6	4,0	001234567890	0123456789
24	15118086	K"	DH15CK	<i>K"</i>		2,5	8	3,5	6,6	001234567890	0123456789
25	15118088	Trần Hữu	DH15CK	<i>Trần Hữu</i>		0	2	3	2,2	001234567890	0123456789
26	15118089	Lê Văn	DH15CK	<i>Lê Văn</i>		5	6	3,5	6,7	001234567890	0123456789
27	15118090	Huỳnh Quốc	DH15CK	<i>Huỳnh Quốc</i>		7,5	7	6	4,5	001234567890	0123456789
28	15118093	Phạm Ngọc	DH15CK	<i>Phạm Ngọc</i>		2,5	2,0	2,5	2,4	001234567890	0123456789
29	15118094	Nguyễn Đoàn	DH15CK	<i>Nguyễn Đoàn</i>		2,5	5	1	2,1	001234567890	0123456789
30	15118095	Dương Tấn	DH15CK	<i>Dương Tấn</i>		5	3	4	4,0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04147



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15CK_05 - 001_ Số Tín Ch 3

Ngày Thi 12/01/2016 Phòng Thi CT101

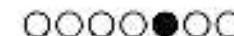
Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 20 %	D.Số 60 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15118097	Vũ Trung Thành	DH15CC	<i>re</i>		0	4	0	0,8	001234567890	0123456789
32	15118098	Nguyễn Văn	DH15CK	✓	✓					001234567890	0123456789
33	15118101	Phạm Minh Thiện	DH15CK	<i>Thiện</i>		2,5	2	3	2,7	001234567890	0123456789
34	15118102	Phạm Văn Thịnh	DH15CK	<i>Phạm Văn Thịnh</i>		2,5	8	5	5,1	001234567890	0123456789
35	15118106	Trần Trung Tin	DH15CK	<i>Trần Trung Tin</i>		2,5	5	5	4,5	001234567890	0123456789
36	15118107	Huỳnh Ngọc Tỉnh	DH15CK	<i>Tỉnh</i>		10	7	6,5	7,3	001234567890	0123456789
37	15118109	Lưu Ngọc Anh Toàn	DH15CK	<i>Anh</i>		5	4	5,5	5,1	001234567890	0123456789
38	15118111	Trần Văn Toàn	DH15CK	<i>Toàn</i>		10	6	5	6,2	001234567890	0123456789
39	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK	<i>Đức Trí</i>		0	2	2	1,6	001234567890	0123456789
40	15118115	Võ Minh Trí	DH15CK	<i>Minh Trí</i>		5	7	2	2,8	001234567890	0123456789
41	15118116	Hoàng Xuân Trinh	DH15CK	✓	✓					001234567890	0123456789
42	15118119	Nguyễn Đức Trọng	DH15CK	<i>Đức Trọng</i>		0	2	4	2,8	001234567890	0123456789
43	15118120	Trần Nguyễn Quốc Trung	DH15CK	<i>Quốc Trung</i>		2,5	4	4	3,7	001234567890	0123456789
44	15118123	Trần Thanh Tú	DH15CK	<i>Thanh Tú</i>		0	3	3,5	2,7	001234567890	0123456789
45	15118129	Nguyễn Xuân Văn	DH15CK	<i>Xuân Văn</i>		5	7	8	7,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04147



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15CK_05 - 001_ Số Tín Ch 3

Ngày Thi 12/01/2016 Phòng Thi CT101

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ %	D2 Đ %	D-Số Đ %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	15118131	Dương Quốc Việt	DH15CK			5	6	2	3,4	001234567890	0123456789
47	15118132	Phạm Thế Vinh	DH15CK			5	5	5	5,0	001234567890	0123456789
48	15118133	Đặng Hoàng Vũ	DH15CK			0	3	2	1,8	001234567890	0123456789
49	15118136	Đỗ Văn Vương	DH15CK			2,5	3	4	3,5	001234567890	0123456789
50	15118137	Nguyễn Quốc Vương	DH15CK			0	4	3,5	2,9	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

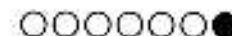
Xác nhận của Bộ Môn

 TS. Võ Thanh Tiên

Cán Bộ Chấm Thi 1

 Nguyễn Anh Phương

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15CK_05 - 002 Số Tín Ch 3

Ngày Thi 12/01/2016

Phòng Thi HD205

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 00%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm R
1	15118015	Nguyễn Quốc Đạt	DH15CK			25	0	35	2,6	0012345678910	0123456789
2	15118017	Đoàn Ngọc Đông	DH15CK			7,5	10	60	7,1	0012345678910	0123456789
3	15118019	Nguyễn Tấn Đông	DH15CK			5	2	45	4,1	0012345678910	0123456789
4	15118020	Huỳnh Văn Đức	DH15CK			10	9	8	8,6	0012345678910	0123456789
5	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK			0	3	5	3,6	0012345678910	0123456789
6	15118026	Ngô Hồng Duy	DH15CK			2,5	3,0	5,5	4,4	0012345678910	0123456789
7	15118031	Nguyễn Bình Phương Thanh Hậu	DH15CK			2,5	5	5	4,5	0012345678910	0123456789
8	15118041	Đỗ Quang Huy	DH15CK			2,5	4	2,5	2,8	0012345678910	0123456789
9	15118046	Trần Văn Khôi	DH15CK			2,5	7	3	3,7	0012345678910	0123456789
10	15118050	Phạm Ngọc Lâm	DH15CK			0	2	2,5	1,3	0012345678910	0123456789
11	15118058	Nguyễn Thành Luân	DH15CK			2,5	8	8	6,9	0012345678910	0123456789
12	15118062	Lăng Văn Minh	DH15CK			0	5	5	4,0	0012345678910	0123456789
13	15118063	Lê Văn Minh	DH15CK			0	4	1	1,4	0012345678910	0123456789
14	15118066	Hoàng Văn Nam	DH15CK			0	2	4	2,8	0012345678910	0123456789
15	15118070	Lý Nghệ	DH15CK			5	2	8	6,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04148



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

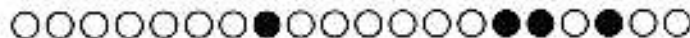
Môn Học\Nhóm **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15CK_05 - 002_**

Số Tin Ch 3

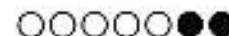
Ngày Thi **12/01/2016**Phòng Thi **HD205**Lớp **DH15CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 25%	D2 35%	D.Số 45%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15118078	Nguyễn Tấn Phát	DH15CK	<i>Phát</i>		2,5	6	6,5	5,6	001234567890	0123456789
17	15118080	Lê Nguyễn Vinh Phúc	DH15CK	<i>Phúc</i>		2,5	2	5	3,9	001234567890	0123456789
18	15118092	Bùi Trí Tâm	DH15CK	<i>Trí</i>		7,5	8	5,5	6,4	001234567890	0123456789
19	15118099	Huỳnh Nhật Thiện	DH15CK	<i>Thiện</i>		0	0	2	1,2	001234567890	0123456789
20	15118100	Nguyễn Văn Thiện	DH15CK	<i>Thiện</i>	✓					001234567890	0123456789
21	15118104	Hoàng Ngọc Tiến	DH15CK	<i>Tiến</i>		5	6	2,5	6,7	001234567890	0123456789
22	15118110	Vũ Công Toàn	DH15CK	<i>Toàn</i>		10	8	7	7,8	001234567890	0123456789
23	15118113	Đỗ Văn Trí	DH15CK	<i>Trí</i>	✓					001234567890	0123456789
24	15118117	Lý Ngọc Trọng	DH15CK	<i>Trọng</i>		10	5	9	8,4	001234567890	0123456789
25	15118121	Lê Quang Trường	DH15CK	<i>Trường</i>		2,5	8	3,5	4,2	001234567890	0123456789
26	15118122	Nguyễn Ngọc Tú	DH15CK		✓					001234567890	0123456789
27	15118124	Bùi Anh Tuấn	DH15CK	<i>Tuấn</i>		2,5	7	8	6,7	001234567890	0123456789
28	15118125	Hồ Minh Tuấn	DH15CK	<i>Tuấn</i>		2,5	8	7	6,3	001234567890	0123456789
29	15118127	Phạm Xuân Tùng	DH15CK	<i>Tùng</i>		5	7	5	5,4	001234567890	0123456789
30	15118138	Hồ Sỹ Ý	DH15CK	<i>Ý</i>		0	3	1	1,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04148



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15CK_05 - 002_ Số Tin Ch 3

Ngày Thi 12/01/2016

Phòng Thi HD205

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 20%	D.Số 55%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15118139	Nguyễn Thành ý	DH15CK			0	4	3	2,6	0010203040506070809	0010203040506070809

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Huyền diện 28/31

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

 N.V. Kiệp

 Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15NL_06 - 001_ Số Tín Chỉ 3

Ngày Thi 12/01/2016 Phòng Thi RD201

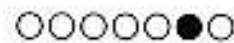
Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 40%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15137004	Nguyễn Chí Bảo	DH15NL	<i>Chí Bảo</i>		7,5	6,0	9,0	8,1	0012345678910	0123456789
2	15118006	Nguyễn Châu Bình	DH15CK	<i>Châu Bình</i>		2,5	4,0	5,5	4,6	0012345678910	0123456789
3	15137006	Phạm Văn Chính	DH15NL	<i>Chính</i>		5,0	6,0	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
4	15118009	Nguyễn Quốc Cường	DH15CK	<i>Quốc Cường</i>		7,5	7,0	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
5	15118014	Châu Tấn Đạt	DH15CK	<i>Tấn Đạt</i>		10,0	9,0	9,0	9,2	0012345678910	0123456789
6	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL	<i>Minh Đức</i>		5,0	6,0	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
7	15137009	Lê Thành Được	DH15NL	<i>Thành Được</i>		7,5	5,0	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
8	15137013	Nguyễn Trường Giang	DH15NL	<i>Trường Giang</i>		10	5,0	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
9	15137015	Trương Hồng Hải	DH15NL	<i>Hồng Hải</i>		5	5	4	4,4	0012345678910	0123456789
10	15137016	Lê Công Hậu	DH15NL	<i>Công Hậu</i>		2,5	4	4	3,7	0012345678910	0123456789
11	15137020	Trần Võ Trọng Hiếu	DH15NL	<i>Trọng Hiếu</i>		10	6	6	6,8	0012345678910	0123456789
12	15137024	Vũ Quang Hưng	DH15NL	<i>Quang Hưng</i>		0	6	6	4,8	0012345678910	0123456789
13	15137025	Bùi Quốc Huy	DH15NL	<i>Quốc Huy</i>		7,5	6	8	7,5	0012345678910	0123456789
14	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL	<i>Hoàng Huy</i>		0	6	3	3,0	0012345678910	0123456789
15	15137028	Nguyễn Hoàng Gia Huy	DH15NL							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04155



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15NL_06 - 001

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 12/01/2016

Phòng Thi RD201

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15137033	Nguyễn Thành Lộc	DH15NL			5	5	3	3,8	001234567890	0123456789
17	15137035	Bùi Công Minh	DH15NL			7,5	5	7	6,7	001234567890	0123456789
18	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL			5	5	7	6,2	001234567890	0123456789
19	15137039	Lê Nam Phong	DH15NL			5	4	8	6,6	001234567890	0123456789
20	15137041	Trần Duy Phong	DH15NL			2,5	6	5	4,7	001234567890	0123456789
21	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL			5	6	6	5,8	001234567890	0123456789
22	15137047	Phạm Thị Thanh Tâm	DH15NL			10	6	9	8,6	001234567890	0123456789
23	15137051	Trần Lê Công Thành	DH15NL			0	3	1	1,2	001234567890	0123456789
24	15137055	Trần Ngọc Thiện	DH15NL			5	6	5,5	5,5	001234567890	0123456789
25	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL			5	6	5	5,2	001234567890	0123456789
26	15137058	Nguyễn Thành Tiến	DH15NL			7,5	5	7	6,7	001234567890	0123456789
27	15137060	Thái Minh Toàn	DH15NL			5	5	8	6,8	001234567890	0123456789
28	15137067	Nguyễn Hồ Anh Tuấn	DH15NL			0	5	2	2,2	001234567890	0123456789
29	15137068	Nguyễn Minh Tuấn	DH15NL			7,5	5	6	6,1	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04155



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15NL_06 - 001_

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 12/01/2016

Phòng Thi RD201

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
30	15137070	Nguyễn Anh Vũ	DH15NL	<i>[Signature]</i>		7,5	5	5,5	5,8	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Số: 29/30

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Vương Thanh Việt

Cán Bộ Chấm Thi 1:

Chang
Phạm Quang Thắng.

Cán Bộ Chấm Thi 2:

Thư
Nguyễn Thanh Dũng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

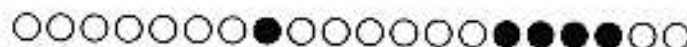
Môn Học/ Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15NL_06 - 002_ Số Tín Ch 3

Ngày Thi 12/01/2016 Phòng Thi PV323

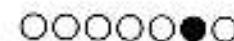
Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ1 %	D2 Đ2 %	D.Số Đ.Số %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK	<i>Me</i>		7,5	6,5	5	5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
2	15118002	Phan Huỳnh An	DH15CK	<i>V</i>						○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL	<i>h</i>		5	8	8	7,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	15137002	Võ Trùng An	DH15NL	<i>h</i>		0	6	5,5	4,5	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	15118003	Nguyễn Tuấn Anh	DH15CK	<i>anh</i>		0	5	3,5	3,1	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	15137003	Chu Đặng Quốc Anh	DH15NL	<i>Quốc Anh</i>		10	6	8	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	15118004	Nguyễn Lê Bảo	DH15CK	<i>Bao</i>		0	5	4,5	3,7	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
8	15137005	Nguyễn Đức Bình	DH15NL	<i>Binh</i>		0	5	2,5	2,5	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK	<i>chuan</i>		7,5	5	6,5	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	15118010	Lâm Văn Đại	DH15CK	<i>Đại</i>		5	4	4,5	4,5	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK	<i>anh</i>		0	2	1	1,0	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	15118013	Bùi Trọng Đạt	DH15CK	<i>Dat</i>		7,5	4	3,5	4,4	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL	<i>Du</i>		0	5	2	2,2	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL	<i>Duy</i>		5	6	3,5	4,3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	15137011	Nguyễn Hoàng Gia	DH15NL	<i>Gia</i>		2,5	5	3	3,3	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 04156



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15NL_06 - 002_

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 12/01/2016

Phòng Thi PV323

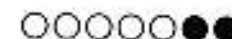
Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm 12
16	15137012	Vũ Đức Gia	DH15NL	<i>[Signature]</i>		6	5	4,5	3,7	0012345678910	0123456789
17	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL	<i>[Signature]</i>		5	5	4,5	4,7	0012345678910	0123456789
18	15137017	Phạm Phước Hậu	DH15NL	<i>[Signature]</i>		2,5	0	7,5	5,0	0012345678910	0123456789
19	15137018	Trần Hiến	DH15NL	<i>[Signature]</i>		7,5	60	9	8,1	0012345678910	0123456789
20	15137019	Đương Thu Hiền	DH15NL	<i>[Signature]</i>		7,5	6	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
21	15137021	Nguyễn Văn Hoài	DH15NL	<i>[Signature]</i>		7,5	6	10	8,7	0012345678910	0123456789
22	15137022	Trần Văn Hoài	DH15NL	<i>[Signature]</i>		5	5	3,5	4,1	0012345678910	0123456789
23	15137023	Quách Nguyễn Kim Hưng	DH15NL	<i>[Signature]</i>		5	4	3,5	3,9	0012345678910	0123456789
24	15137026	Mai Hữu Huy	DH15NL	✓						0012345678910	0123456789
25	15137029	Phạm Đình Huy	DH15NL	<i>[Signature]</i>		0	4,0	3,0	2,6	0012345678910	0123456789
26	15137030	Vũ Gia Huy	DH15NL	<i>[Signature]</i>		5	5	5	5,0	0012345678910	0123456789
27	15137031	Nguyễn Hữu Kha	DH15NL	✓						0012345678910	0123456789
28	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL	<i>[Signature]</i>		5	6	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
29	15137032	Nguyễn Bách Khau	DH15NL	<i>[Signature]</i>		5	5	5	5,0	0012345678910	0123456789
30	15137034	Phạm Thanh Long	DH15NL	<i>[Signature]</i>		10	5	5	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04156



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15NL_06 - 002_

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 12/01/2016

Phòng Thi PV323

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15137037	Lê Nguyễn Trọng Nhân	DH15NL	<i>Nhan</i>		2,5	5,0	3,5	3,6	0012345678900	0123456789
32	15137038	Nguyễn Văn Nhiên	DH15NL	<i>Nhan</i>		5	5	6	5,6	0012345678900	0123456789
33	15137072	Nguyễn Quang Nhật	DH15NL	<i>Nhan</i>		5	5	7	6,2	0012345678900	0123456789
34	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL	<i>Pha</i>		5	4	4	4,2	0012345678900	0123456789
35	15137044	Trần Xuân Sơn	DH15NL	<i>Son</i>		5	4	4	4,2	0012345678900	0123456789
36	15137045	Vô Kim Sơn	DH15NL	<i>Son</i>		0	5	2	2,2	0012345678900	0123456789
37	15137046	Nguyễn Thành Tâm	DH15NL	<i>Tam</i>		0	6	4	3,6	0012345678900	0123456789
38	15137048	Nguyễn Đình Nhật Tân	DH15NL	<i>Tan</i>		5	5	9	7,4	0012345678900	0123456789
39	15137049	Lâm Hồng Thái	DH15NL	<i>Thay</i>		5	6	3,5	4,3	0012345678900	0123456789
40	15137050	Phan Minh Thâm	DH15NL	<i>Tham</i>		3,5	5	5	5,5	0012345678900	0123456789
41	15137052	Lê Văn Thánh	DH15NL	<i>Thay</i>		5	5	8,5	7,1	0012345678900	0123456789
42	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL	<i>Thi</i>		5	4	6,5	5,7	0012345678900	0123456789
43	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL	<i>Thi</i>		7,5	5	4	4,9	0012345678900	0123456789
44	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL	<i>Thi</i>		5	5	4,5	4,7	0012345678900	0123456789
45	15137059	Phan Nhật Tiến	DH15NL	<i>Thi</i>		2,5	5	5	4,5	0012345678900	0123456789



Mã nhận dạng 04156



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật(207108) - DH15NL_06 - 002_ Số Tín Ch 3

Ngày Thi 12/01/2016 Phòng Thi PV323

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	15137061	Hùng Phạm Minh Trí	DH15NL			5	6	4	4,6	0012345678910	0123456789
47	15137062	Phạm Hoàng Minh Trí	DH15NL			0	4	1	1,4	0012345678910	0123456789
48	15137063	Nguyễn Phước Trinh	DH15NL			8,5	4	5	4,3	0012345678910	0123456789
49	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL			5	5	5,5	5,3	0012345678910	0123456789
50	15137065	Lê Trung	DH15NL			5	6	5	5,2	0012345678910	0123456789
51	15137069	Lê Quang Vinh	DH15NL			5	5	9	7,4	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SS: 48/51

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1:

CBCT 2: